

Học tiếng Anh qua hình ảnh và màu sắc

Stuart Amor

Bản dịch tiếng Việt

Nguyễn Thành Yên

NTV

Công ty TNHH
Nhân Trí Việt



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Trong CD hướng dẫn, bạn sẽ tìm thấy tất cả tài liệu bổ sung cho sách Học tiếng Anh qua hình ảnh và màu sắc.

Phần thu âm trong đĩa MP3

CÁC BÀI HỘI THOẠI

Mỗi bài hội thoại đều được chia thành hai phần giống như trong sách. Các bài hội thoại từ Bài 1 đến Bài 11 không chỉ được ghi âm ở tốc độ nói thông thường mà còn có thêm phiên bản ở tốc độ nói chậm hơn để bạn dễ dàng đọc theo và luyện tập.

TỪ VỰNG

Các từ trong bài hội thoại và từ vựng theo chủ đề cũng được thu âm cách đọc. Những đoạn tạm dừng sẽ giúp bạn lặp đi lặp lại đến khi thuần thục.

CÁC BÀI TẬP LUYỆN NGHE

Thông qua các bài tập trong mỗi bài học và các bài kiểm tra tổng hợp, bạn có cơ hội rèn luyện kỹ năng nghe-nói của mình một cách có định hướng.

Các bản văn PDF

NHỮNG BÀI HỘI THOẠI CÙNG BẢN DỊCH VÀ CÁC BÀI TẬP PHÁT ÂM/LUYỆN NGHE

Ở đây bạn sẽ nhìn thấy tất cả các bài hội thoại tiếng Anh một lần nữa và bản dịch tiếng Việt ngay bên cạnh. Ngoài ra, bạn cũng có thể đọc lại nội dung của các bài tập luyện phát âm hoặc bài tập luyện nghe.

MỤC LỤC CHO CÁC BÀI NGHE

NGUỒN HÌNH MINH HỌA CỦA TOÀN BỘ SÁCH

Tất cả các bài tập bổ sung đều có sẵn ở đây cho bạn và có thể được tải về miễn phí. Các thông tin liên quan sẽ được tìm thấy trong sách.

Toàn bộ các bài nghe và các bản văn ở định dạng PDF này là một phần của sách sau đây: **Học tiếng Anh qua hình ảnh và màu sắc**

Mục lục

BẢN VĂN BÀI 1 — Chào hỏi	3
BẢN VĂN BÀI 2 — Làm quen và trò chuyện xã giao	4
BẢN VĂN BÀI 3 — Nói về bản thân	5
BẢN VĂN BÀI 4 — Những khác biệt về văn hóa	6
Bản văn cho bài kiểm tra giữa khóa – Lần 1	7
BẢN VĂN BÀI 5 — Mua sắm	8
BẢN VĂN BÀI 6 — Tại nhà hàng	9
BẢN VĂN BÀI 7 — Cảnh đẹp và di tích	10
BẢN VĂN BÀI 8 — Thể thao và thú tiêu khiển	11
BẢN VĂN BÀI 9 — Những người bạn mới	12
BẢN VĂN BÀI 10 — Những công việc hàng ngày	13
BẢN VĂN BÀI 11 — Cuộc sống gia đình	14
Bản văn cho bài kiểm tra giữa khóa – Lần 2	15
BẢN VĂN BÀI 12 — Lên kế hoạch cho chuyến đi	16
BẢN VĂN BÀI 13 — Đi lại	17
BẢN VĂN BÀI 14 — Hỏi đường	18
BẢN VĂN BÀI 15 — Tại khách sạn	19
BẢN VĂN BÀI 16 — Tình huống khẩn cấp	20
BẢN VĂN BÀI 17 — Tại đồn cảnh sát	21
BẢN VĂN BÀI 18 — Du ngoạn	22
Bản văn cho bài kiểm tra cuối khóa	23
Bản quyền hình ảnh	24

Welcome to England!

Part 1 ☉ 003 & 004

PHILIP: Good morning, John. How are you today?

JOHN: Fine, thanks. Everything's OK.

PHILIP: This is Paula Schneider. She's from Germany.

PAULA: Good morning.

JOHN: Hello, Paula. Nice to have you with us. Where are you from in Germany?

PAULA: I'm from Stuttgart – in the south of Germany.

JOHN: Oh, yes. I know Munich, but I don't know Stuttgart.

PHILIP: Paula can talk to the boss. And I can show Paula the offices.

JOHN: Hi, Hazel. Paula, this is Hazel.

HAZEL: Hello, Paula. Nice to meet you.

PAULA: Nice to meet you, too.

Part 2 ☉ 006 & 007

JOHN: And this is Joyce Marlow, our Head of Marketing.

PAULA: Hello, Mrs Marlow.

JOYCE: You can just call me Joyce, Paula.

JOHN: Mr Butler's got a problem with his new computer, Hazel. You're the expert.

HAZEL: OK, I can help him.

PHILIP: Come and meet Mr Butler. And then we can go round the offices.

PAULA: OK, that's a good idea.

PHILIP: Oh, here's Mr Butler now. Good morning, Mr Butler. This is Paula Schneider from Germany.

MR BUTLER: Nice to meet you, Paula. Welcome to England!

Chào mừng bạn đến nước Anh!

Phần 1

PHILIP: Chào John. Hôm nay anh thế nào?

JOHN: Tôi khỏe, cảm ơn. Mọi thứ đều ổn.

PHILIP: Đây là Paula Schneider. Cô ấy đến từ Đức.

PAULA: Chào anh.

JOHN: Chào Paula. Rất vui cô đã đến với chúng tôi. Cô đến từ vùng nào của nước Đức?

PAULA: Tôi đến từ Stuttgart – ở miền nam nước Đức.

JOHN: Ồ, vậy à. Tôi biết Munich, nhưng tôi không biết Stuttgart.

PHILIP: Paula sẽ gặp sếp. Và tôi sẽ đưa cô ấy đến các văn phòng.

JOHN: Chào Hazel. Paula, đây là Hazel.

HAZEL: Chào Paula. Rất vui được gặp bạn.

PAULA: Tôi cũng rất vui được gặp bạn.

Phần 2

JOHN: Còn đây là Joyce Marlow, trưởng bộ phận tiếp thị.

PAULA: Xin chào bà Marlow.

JOYCE: Cô có thể chỉ cần gọi tôi là Joyce, Paula à.

JOHN: Ông Butler đang bị trục trặc với cái máy vi tính mới, Hazel ạ. Cô là chuyên viên trong lĩnh vực này.

HAZEL: Phải, tôi có thể giúp ông ấy.

PHILIP: Hãy đến gặp ông Butler nhé. Sau đó chúng ta có thể đi một vòng các văn phòng.

PAULA: Đồng ý, đó là ý kiến hay.

PHILIP: Ồ, ông Butler đây rồi. Xin chào ông Butler. Đây là Paula Schneider đến từ nước Đức.

ÔNG BUTLER: Rất vui được gặp cô, Paula. Chào mừng cô đến nước Anh!

Bài tập 8 ☉ 010

HAZEL: Hi, Kevin. How are you today?

KEVIN: Fine, thanks.

HAZEL: This is Paula.

KEVIN: Hello, Paula. Nice to meet you.

PAULA: Hello, Kevin.

KEVIN: Where are you from?

PAULA: I'm from Stuttgart – in the south of Germany.

KEVIN: Oh, yes. I know Stuttgart. It's nice.

HAZEL: And this is Jenny.

JENNY: Hi, Paula. Nice to have you with us.

PAULA: Hello, Jenny. Nice to meet you, too.

JENNY: Welcome to England!

PAULA: Thanks.

A typical day

Part 1 ☉ 012 & 013

PHILIP: Coffee, Paula?

PAULA: Yes, please.

PHILIP: With milk?

PAULA: Please.

PHILIP: Here you are.

PAULA: Thank you. But why have you got coffee? Why not tea? English people always drink tea!

PHILIP: Not always. I drink tea at home and coffee at work. Don't ask me why! Where's the sugar?

PAULA: Here you are.

PHILIP: Thanks. No sugar for you?

PAULA: No, thanks. Not for me.

Part 2 ☉ 015 & 016

PHILIP: What's your work like, Paula?

PAULA: Well, it's like your work here. You know I work for InterSoft in Stuttgart and I plan new projects. I usually work in a team. We have meetings every week.

PHILIP: Ah, those meetings! We have them every day!

PAULA: We sometimes talk for hours about one little thing!

PHILIP: I know! What's a typical day in the life of Paula Schneider?

PAULA: What can I say? I always do the same things in the morning. I always check my e-mails first and answer them. It usually takes me two or three hours, but the phone often rings and rings. Then it takes me longer. I have lunch in our canteen. After that I sometimes talk to my colleagues or my boss. Sometimes it's very boring! And I never get home before six.

Một ngày điển hình

Phần 1

PHILIP: Cà phê nhé, Paula?

PAULA: Vâng ạ.

PHILIP: Có sữa không?

PAULA: Dạ có.

PHILIP: Đây này.

PAULA: Cảm ơn anh. Nhưng sao anh lấy cà phê? Sao không phải là trà? Người Anh luôn uống trà mà!

PHILIP: Không phải lúc nào cũng uống trà. Tôi uống trà ở nhà và cà phê ở chỗ làm. Đừng hỏi tôi vì sao! Đường ở đâu nhỉ?

PAULA: Đây này.

PHILIP: Cảm ơn. Cô không dùng đường à?

PAULA: Không, cảm ơn. Tôi không dùng.

Phần 1

PHILIP: Công việc của cô ra sao, Paula?

PAULA: À, giống công việc của anh ở đây vậy. Anh biết đó, tôi làm cho công ty InterSoft ở Stuttgart và tôi lên kế hoạch cho những dự án mới. Tôi thường xuyên làm việc theo nhóm. Chúng tôi họp mỗi tuần.

PHILIP: À, họp hành hả! Chúng tôi họp mỗi ngày!

PAULA: Đôi khi chúng tôi nói hàng mấy tiếng đồng hồ về một chuyện nhỏ nhặt!

PHILIP: Tôi biết! Một ngày điển hình trong cuộc sống của Paula Schneider ra sao?

PAULA: Biết nói sao nhỉ? Sáng nào tôi cũng làm những việc giống nhau. Trước hết tôi luôn kiểm tra thư điện tử rồi hồi âm. Tôi thường xuyên mất khoảng hai hoặc ba giờ làm việc này, nhưng điện thoại thường reo suốt. Vậy là tôi mất nhiều thời gian hơn. Tôi dùng bữa trưa ở căngtin của công ty chúng tôi. Sau đó, thỉnh thoảng tôi trò chuyện với đồng nghiệp hoặc với sếp. Đôi khi việc này rất tẻ nhạt! Và tôi không bao giờ về đến nhà trước sáu giờ.

Bài tập 8 ☉ 019

1. ▶ Coffee?
 - ◀ Yes, please.
 - ▶ With milk?
 - ◀ No, thanks.
2. ▶ Tea or coffee?
 - ◀ Tea, please.
 - ▶ Milk with your tea?
 - ◀ Yes, please.
3. ▶ Sugar with your coffee?
 - ◀ Yes, please.
 - ▶ What about milk?
 - ◀ No milk for me, thanks.
4. ▶ Tea with milk?
 - ◀ No, thanks.
 - ▶ And no sugar for you?
 - ◀ No milk and no sugar.

Problems, problems!

Part 1 © 021 & 022

PHILIP: Just look at you! You don't look very happy, my friend. I'm not surprised. Look at your life. Awful! You're forty-three years old. Your wife is dead. You live here with your son and your mum. Andy doesn't like school. Mum says she feels lonely and wants to meet people. She's got her new computer now and she wants to surf and chat on the Internet.

ANDY: Dad!

PHILIP: And do you have time for your interests? No – it's just work, work, work. Have you got time? No, you haven't. Can you go out? No, you can't. You hardly ever meet friends, and they don't ever phone you ...

Part 2 © 024 & 025

ANDY: Dad! Dad! Phone for you. Sounds foreign! Are you upstairs?

PHILIP: Yes, I am. Coming! ... Hello?

PAULA: Hello, Philip. It's Paula here.

PHILIP: Hi, Paula. How are you?

PAULA: Well, not too good, to be honest.

PHILIP: Really? What's wrong?

PAULA: I don't know. Everything. I can't understand my landlady here in this B&B – she's from Scotland. I feel uncomfortable here in this little room. The landlady's cooking is terrible. Baked beans with every meal. I can't find a flat. They're all too expensive. And I don't know anyone. I just feel depressed.

PHILIP: Paula, I've got an idea. Have you got time to go out this evening?

PAULA: Yes, I have. That's a great idea.

Đủ mọi vấn đề!

Phần 1

PHILIP: Này, anh bạn, hãy nhìn anh đi! Trông anh không được vui lắm. Tớ không lấy làm ngạc nhiên. Hãy nhìn cuộc sống của anh. Thật tồi tệ! Anh đã 43 tuổi rồi. Vợ anh đã qua đời. Anh sống ở đây với con trai và mẹ. Andy không thích đi học. Mẹ nói là mẹ cảm thấy cô đơn và muốn gặp gỡ mọi người. Giờ thì mẹ đã có cái máy vi tính mới và mẹ muốn lướt net và tán gẫu trên mạng.

ANDY: Ba ơi!

PHILIP: Anh có thời gian cho các sở thích của mình không? Không – chỉ toàn công việc, công việc, và công việc. Anh có thời gian không? Không, không có. Anh có ra ngoài chơi được không? Không, không được. Hầu như anh không bao giờ gặp bạn bè, và họ không bao giờ gọi điện cho anh...

Phần 2

ANDY: Ba ơi! Ba! Có người gọi điện cho ba. Nghe có vẻ là người nước ngoài. Ba có ở trên lầu không?

PHILIP: Có, có. Đến ngay đây!... Alô?

PAULA: Chào Philip. Là Paula đây.

PHILIP: Chào cô, Paula. Cô khỏe không?

PAULA: Ừm, nói thật là không ổn lắm.

PHILIP: Thật à? Có chuyện gì vậy?

PAULA: Tôi không biết. Mọi thứ. Tôi không hiểu được bà chủ nhà ở đây trong cái nhà trọ này – bà ấy đến từ Scotland. Tôi cảm thấy không thoải mái trong căn phòng nhỏ này. Thức ăn của bà chủ nhà trọ thật kinh khủng. Bữa ăn nào cũng có món đậu trắng sốt cà chua. Tôi không tìm được một căn hộ. Căn nào cũng quá đắt. Và tôi không quen biết ai. Tôi cảm thấy chán nản.

PHILIP: Paula, tôi có ý này. Tối nay cô có thời gian để ra ngoài không?

PAULA: Có. Đó là ý kiến tuyệt vời.

Bài tập 7 © 027

- colleague
- longer
- uncomfortable
- come
- room
- welcome
- mobile
- wrong
- how
- know
- hour
- lonely
- honest
- those
- too
- good
- project
- cooking
- sometimes
- foreign
- close

At the pub

Part 1 © 029 & 030

PHILIP: Drink, Paula?

PAULA: Oh. Yes, please. Where's the waiter?

PHILIP: Waiter? There isn't a waiter in a pub. We go and get our drinks at the bar.

PAULA: And when do you pay?

PHILIP: We pay when we get the drinks – at the bar. Each time, for the first, second, third drink ...

PAULA: Oh. It's different in Germany. We pay before we leave.

PHILIP: Really? Well, I'd like a pint. What about you?

PAULA: I'd like a gin tonic, please.

PHILIP: A gin and tonic, we say.

PAULA: But gin tonic is English!

PHILIP: Yes, but we don't say it like that. Just a minute (...) Here you are, Paula, your G and T.

Part 2 © 032 & 033

PAULA: That's my handy.

PHILIP: What? What does that mean?

PAULA: Don't you say that in English?

PHILIP: Oh, now I understand you. It's your mobile! That's English!

PAULA: English is so difficult! When English words aren't real English ... And there are English words like German words but they don't mean the same: Chef is a boss in German, and a cook in English.

PHILIP: Hmm. And beer?

PAULA: Ah, that's nearly the same: *Bier*.

PHILIP: One last drink, Paula! The pub closes at twelve o'clock.

PAULA: Good idea! Cheers!

Tại quán rượu

Phần 1

PHILIP: Uống một ly nhé, Paula?

PAULA: Ồ. Vâng. Nhân viên phục vụ ở đâu nhỉ?

PHILIP: Nhân viên phục vụ à? Trong quán rượu không có nhân viên phục vụ đâu. Chúng ta tự đến quầy rượu lấy thức uống.

PAULA: Và anh trả tiền khi nào?

PHILIP: Chúng tôi trả tiền khi lấy thức uống – tại quầy rượu. Trả mỗi lần, cho ly thứ nhất, thứ hai, thứ ba...

PAULA: Ồ. Ở Đức thì khác. Chúng tôi trả tiền trước khi rời khỏi quán.

PHILIP: Vậy à? À, tôi muốn một panh bia. Còn cô thì sao?

PAULA: Vui lòng cho tôi một ly gin tonic.

PHILIP: Một ly gin và tonic, chúng tôi nói như vậy.

PAULA: Nhưng gin tonic là tiếng Anh!

PHILIP: Đúng, nhưng chúng tôi không nói như vậy. Chờ một chút nhé... Đây này, Paula, G và T của cô đây.

Phần 2

PAULA: Đó là máy cầm tay của tôi.

PHILIP: Gì cơ? Nó có nghĩa là gì?

PAULA: Tiếng Anh không nói vậy sao?

PHILIP: Ôi, bây giờ tôi hiểu ý cô rồi. Nó là điện thoại di động của cô! Đó mới là tiếng Anh!

PAULA: Tiếng Anh khó quá! Khi mà các từ tiếng Anh không phải là tiếng Anh thật... Và có các từ tiếng Anh giống các từ tiếng Đức nhưng nghĩa của chúng không giống nhau: Chef là sếp trong tiếng Đức và là đầu bếp trong tiếng Anh.

PHILIP: Hừm. Còn từ *beer* thì sao?

PAULA: À, gần giống: *Bier*.

PHILIP: Uống một ly chót đi, Paula! Quán rượu đóng cửa lúc 12 giờ.

PAULA: Ý hay đấy! Chúc sức khỏe!

Bài tập 5 © 036

1

– Three o'clock in the morning.

2

– Eleven o'clock in the evening.

3

– Eight o'clock in the morning.

4

– Five o'clock in the morning.

5

– Nine o'clock in the evening.

6

– Two o'clock in the morning.



Bài tập 3 © 037

- 1
– Paula Schneider is from Stuttgart in the south of Germany. She works for InterSoft. She plans new projects and usually works in a team. She has lunch in her canteen. Her work is sometimes boring. She never gets home before six.
- 2
– Philip Elton lives with his son Andy and his mum. He works for InterChip UK. He is not happy with his life. Philip doesn't have time for his interests. He hardly ever meets friends.
- 3
– Paula is depressed because everything is wrong. Her landlady's cooking is terrible. Her little room is uncomfortable. She can't find a flat. They are all too expensive. And she doesn't know anyone.

Bài tập 6 © 038

- 1
– Hazel! What's your phone number?
– It's 020 5412 6094.
– Thanks.
- 2
– John! What's your home number?
– It's 7843 2361.
– Thanks a lot.
- 3
– Philip, what's Paula's phone number at her B&B?
– I've got it here somewhere.
Ah yes: 020 9481 4638.
– Thank you.

At the market

Part 1 © 040 & 041

Paula has got a room in Islington. It is Saturday today and Paula goes to Chapel Market, one of the street markets in Islington. She wants to buy some fruit.

GROCER: Lovely fresh fruit! Lovely prices, too, my lovely lady!

PAULA: I'm not your lovely lady! I just want some fruit.

GROCER: Well, you can see we've got lovely fresh fruit. What would you like?

PAULA: Half a kilo of those red apples.

GROCER: A pound of apples. You're new in London, aren't you? Things are a bit different here. Where are you from?

PAULA: I'm from Stuttgart in Germany.

GROCER: Welcome to England! And welcome to Chapel Market! Well, no time to chat all day. It's Saturday. Come on, ladies.

Part 2 © 043 & 044

PAULA: Oh, sorry, could I have two of those lovely oranges, please?

GROCER: Yes, of course. That's £ 3.45.

PAULA: Have you got any coffee?

GROCER: Yes, Italian coffee. It's very good.

PAULA: Hmm. The sell-by date is 1st June. Is it still good?

GROCER: Yes, it's fine. The best-before date is 30th September. Would you like some?

PAULA: Yes, please. How much is it?

GROCER: It's £ 6.50. That's £ 9.95 altogether.

PAULA: Here's ten pounds.

GROCER: And five pence for you. Thank you.

Tại chợ

Phần 1

Paula có một căn phòng ở Islington. Hôm nay là thứ bảy và Paula đi chợ Chapel, một trong những khu chợ đường phố ở Islington. Cô ấy muốn mua một ít trái cây.

NGƯỜI BÁN TẠP PHẨM: Trái cây tươi ngon tuyệt vời đây! Giá cả cũng rất hữu nghị, quý cô dễ thương ạ!

PAULA: Tôi không phải là quý cô dễ thương của ông! Tôi chỉ muốn một ít trái cây.

NGƯỜI BÁN TẠP PHẨM: Ừ, cô có thể nhìn thấy chúng tôi có trái cây tươi tuyệt vời. Cô muốn mua gì?

PAULA: Nửa ký táo đỏ kia.

NGƯỜI BÁN TẠP PHẨM: Một cân táo. Cô mới đến Luân Đôn, phải không? Ở đây mọi thứ hơi khác. Cô đến từ đâu?

PAULA: Tôi đến từ Stuttgart ở Đức.

NGƯỜI BÁN TẠP PHẨM: Chào mừng cô đến nước Anh! Và chào mừng cô đến chợ Chapel! Thôi, không có thời gian tán gẫu cả ngày. Hôm nay là thứ bảy. Mọi dō, các quý cô!

Phần 2

PAULA: Ồ, xin lỗi, vui lòng bán cho tôi hai trong số những quả cam ngon kia đi.

NGƯỜI BÁN TẠP PHẨM: Vâng, được. Cửa cô 3,45 bảng.

PAULA: Ông có cà phê không?

NGƯỜI BÁN TẠP PHẨM: Có, cà phê Ý. Rất ngon.

PAULA: Hừm. Hạn bán là 1 tây tháng 6. Nó vẫn còn tốt chứ?

NGƯỜI BÁN TẠP PHẨM: Vâng, vẫn tốt. Hạn dùng tốt nhất đến 30 tây tháng 9. Cô có muốn mua một ít không?

PAULA: Vâng, có ạ. Bao nhiêu tiền vậy?

NGƯỜI BÁN TẠP PHẨM: 6,50 bảng. Tổng cộng là 9,95 bảng.

PAULA: Đây là 10 bảng.

NGƯỜI BÁN TẠP PHẨM: Thối lại cô 5 xu. Cám ơn cô.

Bài tập 9 © 046

GROCER: Good morning. How are you today?

KEVIN: Fine, thanks. I'd like some oranges, please.

GROCER: The oranges aren't really fresh today. But we've got some lovely apples.

KEVIN: Have you got any English apples?

GROCER: Yes, we've got some from the south of England.

KEVIN: OK, I'll have some of those then. How much are they?

GROCER: £ 2.40 a pound.

KEVIN: Give me two pounds then.

GROCER: That's £ 4.80.

KEVIN: And a packet of tea, please.

GROCER: This one is very nice. It's £ 3.30. That's £ 8.10 altogether.

KEVIN: Here's £ 10.

GROCER: And £ 1.90 for you. Thanks.

KEVIN: Thank you very much, and goodbye.

At Angelo's

Part 1 © 048 & 049

Paula and Philip are at an Italian restaurant in Islington.

PHILIP: A table for two, please.

WAITER: Over there, by the window, perhaps, sir?

PHILIP: Where would you like to sit, Paula?

PAULA: Yes, that table over there. It's nice there.

WAITER: Here's the menu.

PHILIP: Thank you. What would you like, Paula?

PAULA: How about a soup for starters? And then this salad looks very good.

PHILIP: Yes, good idea. And some wine for you? Red wine for me.

PAULA: I like Italian red wine, too. How about some Chianti?

WAITER: Can I help you, sir?

Part 2 © 051 & 052

PHILIP: We'd like the soup of the day to start with and then this salad here – for two. And a bottle of Chianti.

WAITER: The soup of the day, the salad and a bottle of Chianti. Anything else?

PAULA: And a bottle of water, please, and some bread.

WAITER: Yes, madam. Thank you.

PAULA: It's very international here. Look at those people over there. They're speaking German. And those two in the corner are talking Spanish.

WAITER: Here you are, madam, sir. And some bread and a bottle of water.

PAULA: Thank you very much. Enjoy your meal!

PHILIP: Can I have the bill, please?

PAULA: No, Philip. I want to pay.

PHILIP: No, Paula, you're not paying! Well, let's go fifty-fifty. All right? Would you like to go to a pub?

PAULA: No, not now, Philip. It's late. We've got a lot of work tomorrow.

Tại nhà hàng Angelo

Phần 1

Paula và Philip đang có mặt tại một nhà hàng Ý ở Islington.

PHILIP: Vui lòng cho chúng tôi một bàn hai người.

NHÂN VIÊN PHỤC VỤ: Ở đằng kia, cạnh cửa sổ được không ạ, thưa ông?

PHILIP: Cô muốn ngồi ở đâu, Paula?

PAULA: Vâng, cái bàn ở đằng kia. Ở đó được đấy.

NHÂN VIÊN PHỤC VỤ: Thực đơn đây ạ.

PHILIP: Cám ơn anh. Cô muốn dùng gì, Paula?

PAULA: Dùng món xúp khai vị nhé? Kế đó là món rau trộn này, trông nó rất ngon.

PHILIP: Đồng ý, ý kiến hay đấy. Cô uống rượu chứ? Tôi uống rượu vang đỏ.

PAULA: Tôi cũng thích rượu vang đỏ của Ý. Hay mình uống rượu Chianti nhé?

NHÂN VIÊN PHỤC VỤ: Tôi có thể giúp ông không, thưa ông?

Phần 1

PHILIP: Chúng tôi muốn bắt đầu với món xúp của ngày và rồi kế đến là món rau trộn này – cho hai người. Và một chai Chianti.

NHÂN VIÊN PHỤC VỤ: Món xúp của ngày, rau trộn và một chai Chianti. Còn gì nữa không ạ?

PAULA: Vui lòng cho một chai nước và một ít bánh mì.

NHÂN VIÊN PHỤC VỤ: Được, thưa bà. Cám ơn bà.

PAULA: Nơi này rất mang tính quốc tế. Hãy nhìn những người ở đằng kia. Họ đang nói tiếng Đức. Còn hai người trong góc nhà hàng đang nói tiếng Tây Ban Nha.

NHÂN VIÊN PHỤC VỤ: Thức ăn của ông bà đây ạ. Và bánh mì với một chai nước.

PAULA: Cám ơn anh rất nhiều. Chúc ngon miệng!

PHILIP: Vui lòng tính tiền nhé.

PAULA: Không, Philip à. Để tôi trả tiền.

PHILIP: Không được, Paula à, cô không cần chi trả đâu! Thôi thì chúng ta chia đôi nhé. Được chứ? Cô có muốn đến quán rượu nào đó không?

PAULA: Không, không phải bây giờ, Philip à. Mượn rồi. Ngày mai chúng ta có nhiều việc phải làm lắm.

Bài tập 7 © 054

- Where would you like to sit?
Over there by the window.
- What would you like to have?
How about a starter?
- And what would you like after that?
This salad looks very good.
- And would you like some wine?
I like Italian red wines.
- Can I have the bill, please? Yes, of course.
Just a minute, please.
- Would you like to go to a pub now?
No, not today. It's late.

A boat trip on the Thames

Part 1 © 056 & 057

It is Sunday morning. Paula and Philip are walking towards Westminster Pier.

PAULA: Where's the ticket office?

PHILIP: It's over there by the pier. That's where we show our tickets. You've got your London Pass with you, haven't you? And I must buy a ticket. There's a queue. Come on. We must hurry.

On the boat

PHILIP: OK, where are we going to sit? There's an open deck or we can go inside.

PAULA: Not inside. Let's go up to the open deck. We can see everything better there.

PHILIP: Look, there are two seats over there! This is going to be fun.

Part 2 © 059 & 060

PAULA: So, what are we going to do?

PHILIP: Well, you must decide. I know all these places. There's the Tower of London, where they keep the Crown Jewels, but I think we can go there another day. There's St Paul's Cathedral with a fantastic view of London. We can get off at the Globe Theatre where there are excellent Shakespeare performances – but we needn't do everything in one day.

PAULA: I'd like to go and see St Paul's Cathedral.

PHILIP: Fine. And after that we can just sit on the boat and look at all the famous sights.

PAULA: I'm going to take some photos.

PHILIP: Aren't you going to take one of me?

PAULA: May I? Stand over there with Big Ben behind you.

Một chuyến du ngoạn bằng thuyền trên sông Thames

Phần 1

Bây giờ đang là sáng chủ nhật. Paula và Philip đang đi bộ về phía cầu tàu Westminster.

PAULA: Phòng bán vé ở đâu nhỉ?

PHILIP: Nó ở đằng kia, cạnh cầu tàu. Đó là nơi chúng ta xuất trình vé. Cô có "Thẻ Du lịch nội thành Luân Đôn" rồi, phải không? Còn tôi phải mua vé. Một hàng người đang xếp hàng. Nhanh nào. Chúng ta phải khẩn trương.

Trên thuyền

PHILIP: Nào, chúng ta sẽ ngồi ở đâu đây? Có boong tàu lộ thiên hoặc chúng ta có thể vào bên trong.

PAULA: Đừng vào trong. Chúng ta hãy lên boong tàu lộ thiên. Ở đó chúng ta có thể nhìn thấy mọi thứ rõ hơn.

PHILIP: Nhìn kia, có hai chỗ ngồi ở đằng kia! Chuyến này sẽ thú vị đây.

Phần 2

PAULA: Vậy chúng ta sắp làm gì?

PHILIP: À, cô phải quyết định thôi. Tôi biết hết những địa điểm này. Có tháp Luân Đôn, nơi cất giữ vương miện và trang sức của các vị vua và nữ hoàng Anh, nhưng tôi nghĩ chúng ta có thể đến đó vào một ngày khác. Có thánh đường Thánh Paul với quang cảnh Luân Đôn tuyệt vời. Chúng ta có thể rời khỏi thuyền chỗ rạp hát Globe, nơi có những suất diễn kịch xuất sắc của Shakespeare – nhưng chúng ta không cần làm hết mọi thứ trong một ngày.

PAULA: Tôi muốn đến tham quan thánh đường Thánh Paul.

PHILIP: Được. Rồi sau đó chúng ta chỉ cần ngồi trên thuyền ngắm nhìn mọi địa điểm tham quan nổi tiếng.

PAULA: Tôi sẽ chụp vài tấm ảnh.

PHILIP: Cô không định chụp tôi một tấm sao?

PAULA: Tôi chụp được chứ? Hãy đứng đằng kia có tháp Big Ben sau lưng anh kia!

Do you like sports?

Part 1 © 063 & 064

It's Sunday afternoon. Paula and Philip are back from their sightseeing tour. They're having tea with Sheila, Philip's mum, and Andy.

PAULA: What are the really typical English sports?

PHILIP: Cricket, I suppose. But I don't like playing cricket myself. I prefer rugby, but I'm too old for that now. I still play a bit of football. What about you, Paula, do you do any sports?

PAULA: I play badminton for a club in Stuttgart.

PHILIP: Really? I can play badminton as well.

ANDY: But you're no good at badminton, Dad! Even I'm better!

PAULA: And what do you do, Sheila?

SHEILA: Well, I really am too old for sports like that. I like going for walks in parks. And sometimes I play Bingo.

Part 2 © 066 & 067

PAULA: And what about you, Andy? Do you like sports?

ANDY: Skateboarding is best.

SHEILA: I think skateboarding is very dangerous. You can hurt yourself.

ANDY: That's not true! There are lots of accidents when people play football, too.

PAULA: And what about at school? You do a lot of sports at school in England, don't you?

ANDY: We have football and cricket at school. That's OK, but I like skateboarding much better. And school is awful anyway. Although, at the moment I'm doing my homework together with a skateboarding friend. And my maths is getting better. She's really good at maths.

PHILIP: What's her name?

ANDY: Oh, Dad. You're always asking questions!

Cháu có thích thể thao không?

Phần 1

Bây giờ đang là chiều chủ nhật. Paula và Philip đã trở về từ chuyến tham quan của họ. Họ đang dùng trà với Sheila – mẹ của Philip – và Andy.

PAULA: Những môn thể thao nào là những môn thật điển hình của Anh vậy?

PHILIP: Tôi cho là môn bóng gậy. Nhưng bản thân tôi không thích chơi bóng gậy. Tôi thích bóng bầu dục hơn, nhưng giờ tôi đã quá già không chơi được môn đó nữa. Tôi vẫn chơi bóng đá chút đỉnh. Còn cô thì sao, Paula, cô có chơi môn thể thao nào không?

PAULA: Tôi chơi cầu lông cho một câu lạc bộ ở Stuttgart.

PHILIP: Vậy à? Tôi cũng biết đánh cầu lông.

ANDY: Nhưng ba ơi ba đâu có giỏi cầu lông! Thậm chí con còn giỏi hơn!

PAULA: Còn bác chơi môn gì, bác Sheila?

SHEILA: Chà, bác thật sự đã quá già không chơi được những môn thể thao như thế. Bác thích đi dạo trong công viên. Và thỉnh thoảng bác chơi lô tô.

Phần 2

PAULA: Còn cháu thì sao, Andy? Cháu có thích thể thao không?

ANDY: Môn trượt ván là tuyệt nhất.

SHEILA: Bà nghĩ trượt ván rất nguy hiểm. Cháu có thể bị thương đấy.

ANDY: Điều đó không đúng! Cũng có nhiều tai nạn khi người ta chơi bóng đá đó.

PAULA: Còn ở trường thì sao? Ở Anh các cháu chơi nhiều môn thể thao tại trường, phải không?

ANDY: Ở trường chúng cháu có bóng đá và bóng gậy. Cũng được, nhưng cháu thích trượt ván hơn nhiều. Nói gì thì nói chứ trường học rất đáng ghét mặc dù hiện giờ cháu đang làm bài tập về nhà với một người bạn chơi trượt ván. Môn toán của cháu đang dần tiến bộ hơn. Nhờ bạn ấy rất giỏi toán.

PHILIP: Tên nó là gì?

ANDY: Ôi, ba ơi. Ba cứ hay hỏi!

Bài tập 8 © 069

- What are the typical English sports?
Football and cricket, I suppose.
- Can you play badminton?
I can play badminton, but not very well.
- And what do you do, Sheila?
I like going for walks and sometimes I play Bingo.
- And what about you, Andy?
Skateboarding is best.
- And where do you go skateboarding?
There's a halfpipe not far from here.
- And what about at school?
We have football and cricket at school.

A crazy household

Part 1 © 071 & 072

Friday evening – the end of a hard week at work. Philip and Paula are planning a quiet candlelit dinner.

PHILIP: Andy's music gets louder and louder every day! Would you put the meal on the table, please, and pour out the wine? I want to go upstairs and have a word with Andy. (...) Andy! Oh, hello.

ANDY: Hi, Dad. Um, this is Lisa.

LISA: Hello, Mr Elton. We're doing our maths homework together.

PHILIP: Can't you turn that music down a bit, Andy? Paula and I are having a meal downstairs.

ANDY: OK, Dad. But it's not louder than usual!

Downstairs

PAULA: Everything's on the table. That's much better now. The music is quieter. Take it easy and enjoy your meal.

Part 2 © 074 & 075

PHILIP: Lisa seems very nice ... nicer than his last girlfriend. But she's got two piercings in her nose. I really don't know! Anyway, what are you doing this weekend, Paula?

PAULA: Tomorrow we're going to the cinema together. Don't forget that!

PHILIP: No, I won't. Oh, that's Mum coming in! No peace for us here. And she's got someone with her.

SHEILA: Hello, Paula, hello, Philip. Oh, you're having dinner. Lovely. This is Mahmoud, Mahmoud Aziz, a friend. These flowers are from him – the loveliest, biggest flowers in the shop. And we've got an Indian takeaway, so we can all eat together.

PAULA: Nice to meet you, Mr Aziz. They really are lovely flowers.

Một hộ gia đình không có không khí yên bình

Phần 1

Tối thứ sáu – kết thúc một tuần vất vả ở sở làm. Philip và Paula đang chuẩn bị một bữa ăn tối yên tĩnh bên ánh nến.

PHILIP: Nhạc của Andy càng ngày càng âm ĩ hơn! Cô hãy bày thức ăn lên bàn rồi rót rượu ra nhé? Tôi muốn lên lầu nói chuyện với Andy. (...) Andy à! Ô, chào cháu.

ANDY: Chào ba. Ừm, đây là Lisa.

LISA: Xin chào bác Elton. Chúng cháu đang cùng nhau làm bài tập toán.

PHILIP: Con vặn nhạc đó nhỏ lại một chút không được sao, Andy? Ba và cô Paula đang ăn tối dưới lầu.

ANDY: Được chứ, ba. Nhưng đâu có lớn hơn thường lệ!

Dưới lầu

PAULA: Mọi thứ đã được dọn ra bàn. Giờ thì ổn hơn nhiều rồi. Tiếng nhạc đã yên ắng hơn. Hãy thoải mái và thưởng thức bữa ăn đi nào.

Phần 2

PHILIP: Lisa có vẻ được... được hơn so với bạn gái gần đây nhất của thằng bé. Nhưng con bé có hai cái khuyên trên mũi. Tôi thật sự không hiểu! Nhưng thôi, cuối tuần này cô định làm gì, Paula?

PAULA: Ngày mai chúng ta sẽ cùng đi xem phim. Đừng quên việc đó nhé!

PHILIP: Không, tôi sẽ không quên. Ôi, mẹ tôi đang về! Ở đây không còn sự yên tĩnh cho chúng ta nữa rồi. Và mẹ lại đi với một người.

SHEILA: Chào Paula, chào Philip. Ô, hai đứa đang ăn tối. Tuyệt đấy. Đây là Mahmoud, Mahmoud Aziz, một người bạn. Những bông hoa này là ông ấy mua – những bông hoa đẹp nhất, lớn nhất trong cửa hàng. Mẹ và Mahmoud đã mua về món ăn Ấn, vậy tất cả chúng ta có thể cùng ăn với nhau rồi.

PAULA: Rất vui được gặp ông, ông Aziz. Những bông hoa này thật đẹp.

Bài tập 5 © 077

LISA: Let's go to the cinema on Friday. There's a new film on.

ANDY: And what about Sunday? It would be nice to do something together on Sunday!

LISA: We could go for a boat trip on the Thames. Perhaps to Greenwich.

ANDY: Yes, great idea. I'd like to do that.

LISA: And then on Tuesday evening you've got maths homework.

ANDY: Ugh, yes. But you can help me with that.

LISA: And on Thursday we can meet at the halfpipe and skateboard for an hour or so.

ANDY: Yes, let's do that.

What a mess!

Part 1 ① 079 & 080

Philip, Sheila and Andy are sitting at breakfast on Saturday morning.

SHEILA: I was out with Mahmoud yesterday evening. We listened to a concert in the park.

PHILIP: And what about you, Andy?

ANDY: I met Lisa and we watched a film at her place. And you, Dad?

PHILIP: Well, I went to the sports centre with Paula and we played badminton.

SHEILA: That's all very nice, but I want to know who is going to do the most boring chores in this house.

PHILIP: You know that I've got lots of work, Mum. I haven't got time.

ANDY: Oh yes, Dad, and what about me? I've got school and homework and I want to spend time with my friends, too.

Part 2 ① 082 & 083

SHEILA: And you may not realize it, you two young men, but even at my age I've got lots of things to do. Andy, when was the last time you tidied up your room?

ANDY: Last week!

SHEILA: Well, you can tidy it up again this weekend. It's an awful mess. At least do it before Lisa comes to see you.

ANDY: Ugh, OK, Gran.

SHEILA: And Philip, how about a good idea from your mum: Paula's unhappy with her B&B. She's got the most uncomfortable room in the house. I was there. Why doesn't she come and live with us? Our attic room is nice and big and much more attractive than her little room.

PHILIP: Oh, Mum. Let me decide about things like that.

Thật bừa bộn!

Phần 1

Philip, Sheila và Andy đang ngồi ăn sáng vào sáng thứ bảy.

SHEILA: Tối hôm qua mẹ đi chơi với ông Mahmoud. Mẹ và ông ấy nghe hòa nhạc trong công viên.

PHILIP: Còn con thì sao, Andy?

ANDY: Con gặp Lisa và chúng con xem phim ở nhà bạn ấy. Còn ba thì sao hả ba?

PHILIP: À, ba đến trung tâm thể thao với cô Paula. Ba và cô ấy chơi cầu lông.

SHEILA: Tất cả đều rất tuyệt, nhưng mẹ muốn biết ai sẽ làm những việc vặt nhàm chán nhất trong cái nhà này.

PHILIP: Mẹ à, mẹ biết là con có rất nhiều việc. Con không có thời gian.

ANDY: Phải rồi ba, còn con thì sao? Con phải học, làm bài tập về nhà và con muốn dành thời gian với bạn bè nữa.

Phần 2

SHEILA: Và có thể hai cha con con không nhận thức được điều này, nhưng ngay cả ở từng tuổi này, mẹ cũng có nhiều việc phải làm. Andy, lần gần đây nhất cháu dọn phòng cháu là khi nào?

ANDY: Mới tuần trước ạ!

SHEILA: Vậy cháu có thể dọn nó lần nữa vào cuối tuần này. Căn phòng bừa bãi kinh khủng. Ít nhất là cháu làm việc đó trước khi Lisa đến gặp cháu.

ANDY: Eo ơi, thôi được, bà ạ.

SHEILA: Còn Philip, con nghĩ sao về một ý rất hay mà mẹ vừa nghĩ ra: Paula không hài lòng về căn phòng trọ của cô ấy. Cô ấy ở căn phòng bất tiện nhất trong ngôi nhà đó. Mẹ đã đến đó. Sao cô ấy không đến sống với chúng ta nhỉ? Căn phòng áp mái của chúng ta đẹp, rộng rãi và hấp dẫn hơn nhiều so với căn phòng nhỏ hẹp của cô ấy.

PHILIP: Ôi, mẹ ơi. Hãy để con quyết định những việc như thế.

Bài tập 6 ① 086

MUM: Who is going to do the boring chores in this house?

LISA: I just haven't got the time, Mum.

MUM: I don't want to tidy up your room. It's an awful mess.

LISA: And I don't want you to tidy up my things!

MUM: And who cleans the house? I need some help.

LISA: Well, I could help you on Saturday.

MUM: And who does all the cooking?

LISA: That's a better idea. I like cooking.

MUM: When was the last time you tidied up your room?

LISA: Last week. OK, Mum, I can tidy it up a bit this evening.

MUM: At least do it before Andy comes to see you.

LISA: Yes, Mum. Of course, Mum. He's coming tomorrow.

Sunday lunch

Part 1 Ⓞ 088 & 089

ANDY: Hey, Dad. This meat is tough and the potatoes are too soft.

PHILIP: Well, why don't you do the cooking then?

ANDY: No time, Dad!

PHILIP: Always the same old answer!

PAULA: I could help you with the cooking. I'm not a bad cook.

ANDY: Hey, that's a great idea. What's German food like?

PAULA: Very good, but I only know specialities from the south of Germany.

ANDY: So, maybe you could cook us something German. Please!

PHILIP: Paula's here to learn about England. Maybe she should learn about the English Sunday roast. Beef with Yorkshire pudding, lamb or pork with roast potatoes and various vegetables. Like in the good old days.

Part 2 Ⓞ 091 & 092

PAULA: What was it like when you were young, Sheila?

SHEILA: Ah yes, the good old days. I was born in 1940. We all lived in the country.

PAULA: And when did you move to Islington?

SHEILA: My dad bought the house here in 1947. It was very different then. Houses were much cheaper. It was more like a village.

PAULA: And why did you stay here? Why didn't you go back to the country?

SHEILA: Because I like Islington. It's my home. But a house and a garden are a lot of work.

PAULA: Well, I like it very much here. And I think London is a wonderful city. There are so many things to see and do.

Bữa trưa ngày chủ nhật

Phần 1

ANDY: Ba ơi, thịt này thì dai còn khoai tây thì quá mềm.

PHILIP: Này, vậy sao con không nấu đi?

ANDY: Không có thời gian ba ơi!

PHILIP: Cứ luôn cùng một câu trả lời cũ rích!

PAULA: Tôi có thể phụ anh nấu ăn. Tôi không phải là một đầu bếp tồi.

ANDY: Này, ý kiến đó thật tuyệt. Thức ăn Đức ra sao ạ?

PAULA: Rất ngon, nhưng cô chỉ biết các món đặc sản ở miền nam nước Đức.

ANDY: Vậy có lẽ cô có thể nấu cho nhà cháu món gì đó của Đức. Làm ơn đi cô!

PHILIP: Paula đến đây để tìm hiểu về nước Anh. Có lẽ cô ấy nên tìm hiểu về món nướng của Anh ngày chủ nhật. Thịt bò với bánh pút-đing Yorkshire, thịt cừu hay thịt lợn với khoai tây nướng và các loại rau củ khác nhau. Giống như vào những ngày xưa tốt đẹp.

Phần 2

PAULA: Hồi bác còn trẻ thì mọi thứ như thế nào, bác Sheila?

SHEILA: À phải rồi, những ngày xưa tốt đẹp. Bác chào đời năm 1940. Cả nhà bác đều sống ở nông thôn.

PAULA: Và cả nhà chuyển đến Islington khi nào ạ?

SHEILA: Ba bác mua căn nhà này ở đây vào năm 1947. Thời đó mọi thứ rất khác. Nhà cửa rẻ hơn nhiều. Nơi này giống một ngôi làng hơn.

PAULA: Vì sao bác ở lại đây? Sao bác không trở về quê?

SHEILA: Bởi vì bác thích Islington. Nó là nhà của bác. Nhưng một căn nhà và một khu vườn thì có rất nhiều việc.

PAULA: À, cháu rất thích nơi này. Cháu nghĩ Luân Đôn là một thành phố tuyệt vời. Có rất nhiều thứ để tham quan và làm.

Bài tập 9 Ⓞ 094

- 1
– Sheila was born in 1930.
– No, she wasn't. She was born in 1940.
- 2
– She lived in London then.
– No, she didn't. She lived in the country then.
- 3
– Her dad bought the house in 1940.
– No, he didn't. He bought the house in 1947.
- 4
– They moved to Islington in 1945.
– No, they didn't. They moved to Islington in 1947.
- 5
– It was just the same then.
– No, it wasn't. It was very different then.
- 6
– Sheila went back to the country.
– No, she didn't. She stayed in Islington.



Bài tập 4 © 095

1

- How about badminton at the sports centre?
- When and what time?
- On Wednesday, at eight o'clock.
- Good idea.

2

- How about a walk in the park?
- Lovely. When do you want to go?
- Sunday? At three o'clock?
- Fine.

3

- How about a boat trip on the Thames.
- Lovely idea. When have you got time?
- Tuesday, at two o'clock.
- Lovely idea.

A great idea!

Part 1 ⑩ 097

Paula and Philip are planning a business trip to the United States.

PAULA: This is a great idea. I hope that the trip really comes off.

PHILIP: Well, Mr Butler wants us to plan it and he will give us the go-ahead by the end of the week.

PAULA: OK. He says the trip will be in September. The conference is in New Brunswick, New Jersey and will last two days. And then we have a day free to go and see the sights in New York City.

PHILIP: Well, let's look at New Brunswick on the Internet first.

PAULA: No, Philip, that's New Brunswick in Canada. We want New Brunswick near New York. You've got it now. That's it.

Part 2 ⑩ 099

PHILIP: Well, here are the hotels. We'll have a look at the prices and where they are later. The conference centre is here. It's all close together.

PAULA: And we have to look at the flights from London to New York. Let's look at the sights in Manhattan. It will be the first time for both of us!

PHILIP: What would you like to see there? The Empire State Building?

PAULA: Yes, of course. And Central Park. And the Statue of Liberty and Ellis Island. But I don't really know what else. Shall we find a good website?

PHILIP: But, Paula, shouldn't we get at least some information together today for Mr Butler so he can decide about the trip? And then InterChip USA must confirm the trip. Couldn't we do that now?

PAULA: Yes, I think we could have it all ready this afternoon.

Ý tưởng tuyệt vời!

Phần 1

Paula và Philip đang lên kế hoạch cho chuyến công tác đến Mỹ.

PAULA: Đây là ý tưởng tuyệt vời. Tôi hy vọng chuyến đi sẽ thật sự diễn ra.

PHILIP: Này, ông Butler muốn chúng ta lên kế hoạch cho chuyến đi và ông ấy sẽ duyệt cho chúng ta trước cuối tuần này.

PAULA: Vâng. Ông ấy nói chuyến đi sẽ vào tháng chín. Hội nghị được tổ chức ở New Brunswick, New Jersey và sẽ kéo dài hai ngày. Sau đó chúng ta có một ngày rảnh để tham quan thắng cảnh ở thành phố New York.

PHILIP: Này, chúng ta hãy xem New Brunswick trên mạng trước nhé.

PAULA: Không phải, Philip à, đó là New Brunswick ở Canada. Chúng ta cần xem New Brunswick gần New York. Bây giờ anh tìm đúng nơi đó rồi đó. Đúng nó đó.

Phần 2

PHILIP: Này, đây là các khách sạn. Chúng ta sẽ xem các mức giá và vị trí của chúng sau. Trung tâm hội nghị ở đây. Tất cả đều gần nhau.

PAULA: Rồi chúng ta phải xem các chuyến bay từ Luân Đôn đến New York. Hãy xem các thắng cảnh ở Manhattan. Đây sẽ là lần đầu tiên của cả hai chúng ta!

PHILIP: Cô muốn tham quan gì ở đó? Tòa nhà Empire State chẳng?

PAULA: Vâng, tất nhiên. Và Công viên trung tâm. Rồi tượng Nữ thần Tự do và đảo Ellis. Nhưng thực sự tôi không biết còn chỗ nào nữa không. Chúng ta sẽ tìm một trang web tốt nhé?

PHILIP: Nhưng Paula à, chẳng phải hôm nay chúng ta nên cùng tìm ít nhất một số thông tin cung cấp cho ông Butler để ông ấy có thể quyết định về chuyến đi sao? Sau đó InterChip Hoa Kỳ phải xác nhận chuyến đi. Bộ chúng ta không làm điều đó bây giờ được à?

PAULA: Được chứ, tôi nghĩ chiều nay chúng ta sẽ có mọi thông tin sẵn sàng.

Bài tập 6 ⑩ 101

HAZEL: A trip to Paris. This is a great idea.

KEVIN: Well, Mr Butler wants us to plan it.

HAZEL: He says the trip will be in July. The conference is in Versailles and will last one day. And then we have a day to go and see the sights of Paris.

KEVIN: Let's look at Versailles on the Internet first. ...

HAZEL: You've got it now. That's it.

KEVIN: Well, here are the hotels. The conference centre is here. It's all close together.

HAZEL: Then we have to look at the flights from London to Paris. But let's do that later. Let's look at the sights in Paris.

KEVIN: What would you like to see there? The Eiffel Tower?

HAZEL: Yes, of course. And the Louvre and the Arc de Triomphe and Notre Dame Cathedral. Let's find a good website.

KEVIN: But, Hazel, shouldn't we get the information together today for Mr Butler so he can decide about the trip? Couldn't we do that now?

HAZEL: Yes, of course. We could have it all ready in an hour.

Bài tập 9 ⑩ 102

- already
- same
- uncomfortable
- cathedral
- village
- parents
- walk
- lamb
- bar
- about
- takeaway
- apple
- want
- attic
- fantastic
- landlady
- altogether
- market
- awful
- woman

On the way to Heathrow

Part 1 © 104

PHILIP: Here we are. We can get our tickets here.

PAULA: This luggage is very heavy.

PHILIP: We only have to change once and then we can just sit on the train till we get to Heathrow.

PAULA: Wouldn't it be better to take a taxi?

PHILIP: Uff, these suitcases really are heavy! What's that announcement?

ANNOUNCER: Will all passengers please leave the station immediately for security reasons.

PHILIP: Oh no! That sounds like a bomb alarm again. Come on. We have to get outside as quickly as possible.

PAULA: Here we are. We're already late. It's 12:47 now. And our plane is at ten minutes past three.

Part 2 © 106

PHILIP: If we take a taxi, we should be there in time. Look! There's one over there.

PAULA: But if the traffic is heavy, we'll miss the plane.

PHILIP: (to taxi driver) Heathrow Airport, Terminal 5, please. As fast as you can.

DRIVER: With this traffic, you can see for yourself how fast we can go, mate!

ANNOUNCER: (at Heathrow Airport) Last call for Ms Paula Schneider and Mr Philip Elton. Please go to your check-in desk immediately.

PHILIP: That's us. We have to check in over there. The check-in clerks are still there. Come on. Let's run.

PAULA: The 15:10 flight to New York?

CLERK: Yes, you're OK, but you haven't got much time. If you hurry, you'll catch your plane.

Trên đường đến sân bay Heathrow

Phần 1

PHILIP: Chúng ta đến nơi rồi. Chúng ta có thể mua vé ở đây.

PAULA: Hành lý này nặng quá.

PHILIP: Chúng ta chỉ phải đổi xe một lần rồi sau đó chúng ta có thể ngồi trên tàu hỏa tới khi đến sân bay Heathrow.

PAULA: Bộ đi taxi thì không tốt hơn sao?

PHILIP: Ui, mấy cái vali này đúng là nặng thật! Đang có thông báo gì kia?

NGƯỜI ĐỌC THÔNG BÁO: Tất cả hành khách vui lòng rời khỏi nhà ga ngay lập tức vì lý do an ninh.

PHILIP: Ôi thôi rồi! Nghe có vẻ lại là báo động có bom. Nhanh lên nào. Chúng ta phải ra ngoài càng nhanh càng tốt.

PAULA: Chúng ta ra tới nơi rồi. Chúng ta muộn mất rồi. Bây giờ là 12 giờ 47. Máy bay sẽ cất cánh lúc ba giờ mười.

Phần 2

PHILIP: Nếu đi taxi, chúng ta sẽ đến đó kịp lúc. Nhìn kia! Có một chiếc ở đằng kia.

PAULA: Nhưng nếu đường đông xe thì chúng ta sẽ lỡ mấy bay.

PHILIP: (nói với tài xế taxi) Vui lòng đến sân bay Heathrow, ga số 5. Chạy nhanh tối đa nhé.

TÀI XẾ: Với tình hình giao thông thế này thì anh có thể tự xem xem chúng ta có thể đi nhanh đến mức nào, anh bạn!

NGƯỜI ĐỌC THÔNG BÁO: (tại sân bay Heathrow) Lướt gọi cuối cho cô Paula Schneider và anh Philip Elton. Vui lòng đến quầy làm thủ tục của quý khách ngay lập tức.

PHILIP: Họ gọi chúng ta đó. Chúng ta phải làm thủ tục ở đằng kia. Nhân viên lễ tân làm thủ tục vẫn còn ở đó. Nhanh lên nào. Chúng ta hãy chạy nhé.

PAULA: Chuyến bay 15 giờ 10 đến New York phải không ạ?

NHÂN VIÊN LỄ TÂN: Vâng, anh chị vẫn còn kịp, nhưng không có nhiều thời gian. Nếu khẩn trương thì anh chị sẽ kịp lên máy bay.

Bài tập 7 © 108

1

CLERK: Where to, please?

PASSENGER: Heathrow Airport by Underground, please.

CLERK: How many tickets do you need?

PASSENGER: Four, please.

CLERK: That's £ 20. Here you are, madam.

PASSENGER: Thank you very much.

2

CLERK: Where are you going?

PASSENGER: Cambridge, please.

CLERK: Just yourself?

PASSENGER: Yes, just one ticket for me, please.

CLERK: One ticket to Cambridge. £ 27. There you are, sir.

PASSENGER: Thank you.

3

CLERK: What can I do for you, madam?

PASSENGER: Three tickets to John F. Kennedy Airport for Thursday, please.

CLERK: There's a flight at two o'clock in the afternoon.

PASSENGER: That's fine.

CLERK: It's £ 299 for each ticket. Can I have your credit card, please?

PASSENGER: Here you are.

CLERK: That's £ 897 altogether.

PASSENGER: Thank you very much.

4

CLERK: How can I help you?

PASSENGER: How much is the boat trip to Greenwich, please?

CLERK: £ 9 for each ticket.

PASSENGER: I'd like two tickets, please.

CLERK: Two tickets to Greenwich. That's £ 18. Here you are, sir.

PASSENGER: Thank you.

Arrival in New York

Part 1 ⑩ 110

Philip and Paula are at Terminal 7 of John F. Kennedy International Airport.

PAULA: Where do we go? Let's ask that man, the one who is wearing the red uniform. Excuse me, where are the car rentals here?

MAN: Well, go down that way and the car rental counters are on the right. If you want to pick up your car, you have to take the shuttle that runs from AirTrain Station C.

PAULA: Yes, that's all clear. Thank you very much.

PHILIP: Hey, Paula, I didn't understand half of what he said.

PAULA: Well, I understood everything.

PHILIP: But he had a very strong accent.

PAULA: Anyway, let's do what he said.

Part 2 ⑩ 112

PAULA: Hello, we'd like to pick up this rental car that our company reserved for us. Here's the voucher. Can you confirm that everything is OK, and tell us where we have to go?

CLERK: Yes, of course, Ms Schneider. Sign here, please. Can I see your driver's license? Thank you. Now you have to take the shuttle and go to the Van Wyck Expressway, which is where the rental offices are. You can pick up the keys there. Have a safe trip, and have fun in the States.

PAULA: Thank you very much.

PHILIP: (*later*) I think you should drive, Paula. You're used to driving on the right. I'll navigate.

PAULA: Philip, there's no need for that. All the cars have a navigation system!

Đến New York

Phần 1

Philip và Paula đang ở ga số 7 của sân bay quốc tế John F. Kennedy.

PAULA: Chúng ta đi đâu nhỉ? Hãy hỏi người đàn ông kia, người đang mặc đồng phục màu đỏ. Xin lỗi cho hỏi, ô tô cho thuê ở đây đậu chỗ nào ạ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: À, cô đi xuống đường đó thì các quầy cho thuê ô tô nằm phía bên phải. Nếu muốn lấy ô tô thì cô phải đi xe trung chuyển chạy từ nhà ga AirTrain C.

PAULA: Vâng, mọi thứ đã rõ. Rất cảm ơn anh.

PHILIP: Này, Paula, tôi không hiểu một nửa những gì anh ta vừa nói.

PAULA: Ồ, tôi hiểu hết.

PHILIP: Nhưng giọng của anh ta rất nặng.

PAULA: Thôi được rồi, chúng ta hãy làm theo lời anh ta.

Phần 2

PAULA: Xin chào, chúng tôi muốn lấy chiếc ô tô cho thuê này, chiếc mà công ty đã đặt trước cho chúng tôi. Phiếu thanh toán đây. Anh có thể xác nhận mọi thứ đều ổn và nói cho chúng tôi biết chúng tôi phải đi đâu không?

NHÂN VIÊN LỄ TÂN: Vâng, đương nhiên rồi cô Schneider ạ. Vui lòng ký tên chỗ này. Tôi xem giấy phép lái xe của cô được không? Cảm ơn cô. Bây giờ cô phải đi xe trung chuyển đến đường cao tốc Van Wyck, các văn phòng cho thuê xe nằm trên đường này. Cô có thể lấy chìa khóa ở đó. Chúc cô có một chuyến đi an toàn và thật vui trên đất Mỹ.

PAULA: Cảm ơn anh rất nhiều.

PHILIP: (*sau đó*) Tôi nghĩ cô nên lái xe, Paula ạ. Cô quen lái bên phải. Tôi sẽ định vị.

PAULA: Philip à, không cần đâu. Tất cả ô tô đều có hệ thống định vị mà!

Bài tập 7 ⑩ 114

- 1
 - Where's the Van Wyck Expressway, please?
 - Turn left at the first traffic lights.
- 2
 - Where is the entrance to the airport?
 - Turn right at the next crossroads.
- 3
 - How do I get to the car rental office?
 - Take the first turning on the left. Then it's only one minute's walk.
- 4
 - Can you tell me how to get to the station?
 - Go straight on. The station is on your left.
- 5
 - I want to get to the Sports Centre.
 - You are going the right way if you can see the restaurant on your right.
- 6
 - Which exit do I take for the Conference Centre?
 - Take the second exit and drive straight on to the Conference Centre on the left.

Just arrived!

Part 1 Ⓞ 116

Paula and Philip have arrived at their hotel in New Brunswick. They have checked in and been to their rooms. Now they are in the foyer and are talking about their first impressions of America.

PHILIP: I've unpacked and I've just had a shower. The shower is great. Lots and lots of hot water, not like some hotels I know in England.

PAULA: Yes, I've had a shower, too. I've never stayed at a hotel like this before.

PHILIP: But the main light in my room doesn't work.

PAULA: Have you called reception?

PHILIP: Yes, someone is going to repair it in the next 20 minutes.

PAULA: Have you met any of the people from the conference yet?

PHILIP: No, I haven't. I don't know any of them personally. We'll probably meet some of them this evening or at breakfast tomorrow morning.

Part 2 Ⓞ 118

PAULA: Have you found out where the breakfast room is?

PHILIP: No, I haven't yet. But it's not down here. It's probably on the first floor – the Americans call it the second floor! I'm looking forward to a real American breakfast: eggs "sunny side up", hash browns and bagels.

PAULA: Oh, yes, breakfast is at seven o'clock and the conference begins at nine.

PHILIP: And have you looked through all the materials once again?

PAULA: Yes, I've checked everything.

PHILIP: Shall we go for a walk and get a first impression of the conference centre?

PAULA: Yes, let's do that.

Vừa đến nơi!

Phần 1

Paula và Philip đã đến khách sạn ở New Brunswick. Họ đã xong thủ tục nhận phòng và đến phòng của mình. Bây giờ họ đang ở tại sảnh và nói về những ấn tượng đầu tiên của họ về nước Mỹ.

PHILIP: Tôi đã dỡ hành lý ra và mới tắm xong. Vòi sen rất tuyệt. Quá chừng nước nóng, không giống như một vài khách sạn mà tôi biết ở Anh.

PAULA: Vâng, tôi cũng vừa tắm xong. Trước đây tôi chưa bao giờ ở khách sạn nào giống thế này.

PHILIP: Nhưng đèn chính trong phòng tôi không hoạt động.

PAULA: Anh đã gọi cho tiếp tân chưa?

PHILIP: Rồi, 20 phút nữa sẽ có người đến sửa đèn.

PAULA: Anh đã gặp ai trong số những người đi dự hội nghị chưa?

PHILIP: Chưa. Cá nhân tôi không quen biết ai cả. Có lẽ chúng ta sẽ gặp một vài người trong số họ vào tối nay hoặc vào bữa ăn sáng ngày mai.

Phần 2

PAULA: Anh đã tìm hiểu xem phòng ăn sáng ở đâu chưa?

PHILIP: Chưa. Nhưng phòng đó không ở tầng trệt này. Có lẽ nó ở tầng một – người Mỹ gọi là tầng hai! Tôi đang mong chờ một bữa ăn sáng kiểu Mỹ thật sự đây: trứng ốp la chỉ rán một mặt, khoai tây rán hành tây và bánh mì vòng.

PAULA: Ồ vâng, bữa ăn sáng được phục vụ lúc bảy giờ và hội nghị bắt đầu lúc chín giờ.

PHILIP: Cô đã đọc qua tất cả tài liệu lần nữa chưa?

PAULA: Rồi, tôi đã đọc kỹ mọi thứ.

PHILIP: Chúng ta sẽ đi dạo và xem qua trung tâm hội nghị nhé?

PAULA: Vâng, vậy đi.

Bài tập 5 Ⓞ 120

PHILIP: Hi, Andy? How are things?

ANDY: OK. Bit boring here at home. What are you doing?

PHILIP: We've just had the first morning of the conference. And the lunch was very good. We start again in five minutes.

ANDY: And what is the USA like? What about your "real American breakfast"?

PHILIP: The people here are very nice. And I had the real American breakfast: eggs "sunny side up" and bagels. I think I'll buy some when I get back to London.

ANDY: And what about Paula?

PHILIP: Paula's working very hard. She's very good with people. And sometimes she understands American English better than I do. – What about your maths homework, Andy?

ANDY: Dad, you go to America and think about my maths homework. You're just like Gran.

PHILIP: There are some shops in the hotel and they have skateboards. They're cheaper than in England.

ANDY: Oh, Dad. Can you look and see if they have an Olympos 240? They're great.

PHILIP: If I have time. I have to go now. Take care, Andy, and give my love to Gran. I'll phone from Manhattan. Bye.

An accident

Part 1 ① 122

Back in Islington: Paula was shopping in Upper Street with Sheila when something or someone knocked Paula down from behind.

PAULA: Oh, Sheila! My leg! It hurts really awfully. Oh, and my arm, too.

SKATEBOARDER: I'm terribly sorry. I wasn't skating very fast. And you moved to the left suddenly.

SHEILA: You were going much too fast. And you shouldn't be on the pavement anyway.

SKATEBOARDER: Shall I call a doctor?

DOCTOR: No need for that. I'm a doctor. Can I help you?

SHEILA: If you could, please, Doctor. We were just walking along the street when this young man here on his skateboard knocked Paula down.

Part 2 ② 124

DOCTOR: Just stay where you are. Don't move. Where does it hurt?

PAULA: The skateboard hit my leg. It's very painful. And I fell on my hand and my wrist and that hurts, too.

DOCTOR: Would you like me to call you an ambulance?

PAULA: No, I don't think that's necessary. If I walk very slowly, I'll be OK.

DOCTOR: Well, if it's still painful tomorrow, go and see your doctor.

PAULA: Thank you very much. It's all right.

SHEILA: And you, young man, you should be much more careful in future. You're lucky your skateboard didn't break her leg. Come on, Paula. Take my arm and walk very carefully.

SKATEBOARDER: I'm really very sorry. Honestly.

Một tai nạn

Phần 1

Trở lại Islington: Paula đang mua sắm ở đường Upper với Sheila thì một vật hay người nào đó từ phía sau đụng Paula ngã xuống.

PAULA: Ôi, bác Sheila ơi! Cái chân của cháu! Nó đau kinh khủng lắm. Ôi, cánh tay cháu cũng vậy.

NGƯỜI TRƯỢT VÁN: Em rất xin lỗi. Em trượt không nhanh lắm. Còn chị thì lại đột ngột di chuyển qua bên trái.

SHEILA: Cậu đã trượt quá nhanh. Dù gì đi nữa thì cậu cũng không nên trượt trên vỉa hè.

NGƯỜI TRƯỢT VÁN: Em gọi bác sĩ nhé?

BÁC SĨ: Không cần đâu. Tôi là bác sĩ đây. Tôi giúp cô nhé?

SHEILA: Bác sĩ, làm ơn giúp nếu ông có thể. Chúng tôi đang đi dọc đường này thì chàng trai này đụng ngã Paula trong lúc cậu ấy trượt ván.

Phần 2

BÁC SĨ: Cứ ở yên tại chỗ. Đừng di chuyển. Có bị đau ở đâu?

PAULA: Ván trượt va vào chân tôi. Chân tôi đau lắm. Rồi tôi ngã đè lên bàn tay và cổ tay nên mấy chỗ này cũng bị đau nữa.

BÁC SĨ: Cô có muốn tôi gọi xe cứu thương cho cô không?

PAULA: Không, tôi nghĩ là không cần đâu. Nếu tôi đi thật chậm thì được.

BÁC SĨ: Thôi được, nếu ngày mai vẫn còn đau thì cô đi bác sĩ nhé.

PAULA: Rất cảm ơn ông. Không sao đâu.

SHEILA: Còn cậu, cậu thanh niên này, sau này cậu nên cẩn thận hơn nhiều đó. Cậu may mắn vì ván trượt của cậu đã không làm gãy chân cô ấy đấy. Đi nào, Paula. Hãy khoác tay bác và đi thật cẩn thận nhé.

NGƯỜI TRƯỢT VÁN: Thật tình em rất xin lỗi. Chân thành xin lỗi.

Bài tập 6 ③ 126

1

DOCTOR: Good morning. How are you feeling today?

MAN: I hurt my wrist last week. I went to the hospital but nothing is broken. But it's still painful.

DOCTOR: Let me see. ... Well, don't use your wrist for the next week. And put this cream on it every morning and evening. Come and see me if it still hurts next week.

MAN: Thanks very much. Goodbye.

2

DOCTOR: Hello, come in. How are you?

WOMAN: I hurt my toe last week. I went to the hospital but nothing is broken. But it's still painful.

DOCTOR: Well, take it easy for the next week. And don't go for any walks. Come and see me if it's still painful next week.

WOMAN: Thanks very much. Goodbye.

3

DENTIST: Hello, Mr West. What's the problem?

PATIENT: Good afternoon, Doctor. This tooth here has been painful for over a week.

DENTIST: It's all red. I'll give you an injection. Don't eat or drink anything for the next hour.

PATIENT: Thanks, Doctor.

All's well that ends well!

Part 1 ⑩ 128

Sheila Elton, Philip's mum, is at Mr Aziz's corner shop.

SHEILA: Oh, I'm very sorry, but I think I've lost my wallet. Oh, where can it be? I had it with me when I left home. Maybe someone has stolen it.

MR AZIZ: Here are your biscuits anyway. You can pay next time.

SHEILA: Oh, I must go to the police station.

MR AZIZ: I very much hope you find it.

At the police station

SHEILA: Good morning, officer. I think someone has stolen my wallet. This has never happened to me before. Or maybe I've lost it, I don't know.

OFFICER: Well, could I have your name, address and telephone number first? And describe your wallet, please.

Part 2 ⑪ 130

SHEILA: Black leather, with a bankcard and a credit card, about £ 20 and some photos of my family.

OFFICER: Now, Mrs Elton, when did you last have your wallet?

SHEILA: I had it when I left home this morning at 10 o'clock. I know that. I went to the park for an hour or so. Then I went to Mr Aziz's shop to buy some biscuits. And my wallet was gone.

OFFICER: And did you take it out in the park?

SHEILA: Yes, I wanted to see how much money I had.

An elderly man comes in.

OFFICER: So maybe you left it on a park bench.

MAN: Officer, perhaps I can help you. I've just found a black leather wallet on a bench in the park. Perhaps it's yours?

SHEILA: Oh, that's wonderful! Yes, it's mine! Thank you so much.

Kết thúc tốt là tốt rồi!

Phần 1

Sheila Elton – mẹ của Philip – đang ở tiệm tạp hóa của ông Aziz.

SHEILA: Ôi, tôi rất xin lỗi, tôi nghĩ tôi bị mất ví rồi. Ôi, nó ở đâu nhỉ? Tôi đem nó theo khi rời khỏi nhà mà. Chắc là có người lấy cắp rồi.

ÔNG AZIZ: Dù gì thì bà cũng cứ lấy bánh quy này đi. Lần tới bà trả tiền cũng được.

SHEILA: Ôi, tôi phải đến đồn cảnh sát đây.

ÔNG AZIZ: Tôi rất hy vọng bà sẽ tìm được cái ví.

Tại đồn cảnh sát

SHEILA: Chào anh cảnh sát. Tôi nghĩ có người lấy cắp ví của tôi. Trước nay chuyện này chưa bao giờ xảy ra với tôi. Hoặc có thể là tôi làm mất nó. Tôi không rõ.

VIÊN CẢNH SÁT: À, trước tiên bà vui lòng cho tôi biết tên, địa chỉ và số điện thoại của bà. Bà vui lòng mô tả ví của mình.

Phần 2

SHEILA: Ví da màu đen, trong đó có một thẻ ngân hàng, một thẻ tín dụng, khoảng 20 bảng Anh và một vài tấm ảnh chụp gia đình tôi.

VIÊN CẢNH SÁT: Bà Elton à, lần cuối bà còn giữ cái ví bên mình là khi nào?

SHEILA: Tôi đem theo ví khi rời khỏi nhà lúc 10 giờ sáng nay. Tôi nhớ rõ như vậy. Tôi đến công viên khoảng một tiếng. Rồi tôi đến tiệm của ông Aziz để mua một ít bánh quy. Khi đó thì cái ví của tôi đã biến mất.

VIÊN CẢNH SÁT: Lúc ở công viên bà có lấy nó ra không?

SHEILA: Có, khi đó tôi muốn xem mình có bao nhiêu tiền.

Một người đàn ông cao tuổi đi vào.

VIÊN CẢNH SÁT: Vậy thì có lẽ là bà đã để quên nó trên băng ghế công viên.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: Anh cảnh sát, có lẽ là tôi có thể giúp anh. Tôi vừa phát hiện một cái ví đen bằng da trên một băng ghế trong công viên. Có lẽ nó là ví của bà phải không?

SHEILA: Ô, thật tuyệt vời! Phải, nó là của tôi! Cảm ơn ông nhiều lắm.

Bài tập 6 ⑫ 132

MRS COOK: Good afternoon, officer. Someone has stolen my bag. It's terrible. It has never happened to me before!

OFFICER: Could I have your name, address and telephone number? And describe your bag, please.

MRS COOK: Brown leather, with a credit card, about £ 7 and some photos of my family.

OFFICER: Now, Mrs Cook, when did you last have your bag?

MRS COOK: I had it when I left home this morning. I did some shopping. Then I went to the park. It's a lovely day, very hot. I was sitting on one of the park benches. And suddenly my bag was gone.

OFFICER: And where was your bag?

MRS COOK: It was next to me, on the park bench.

YOUNG MAN: Officer, perhaps I can help you. I've just found a brown leather bag in the park. Perhaps it belongs to this lady.

MRS COOK: Oh, that's wonderful. That's my bag. I've been looking for it.

OFFICER: Yes, Mrs Cook. But just wait a minute. ... The money has gone. But I think everything else is there. Please check everything. I have to write a report first. You can have your bag back later.

MRS COOK: Thank you very much, young man.

Exploring new places

Part 1 ① 134

PHILIP: I'd very much like to show you Cambridge. It's one of the most beautiful cities in Britain.

PAULA: You didn't study there, did you?

PHILIP: No, I went to Manchester University. Good place. I liked living there.

PAULA: When do you suggest going?

PHILIP: How about this Saturday? It's better to go by train, then you don't have any parking problems.

PAULA: Tell me about the university. It's very old, isn't it?

PHILIP: Yes, the first college, Peterhouse, was founded in the 13th century. The best way to see everything is just to walk round the centre of town. Or go on a guided tour.

Part 2 ① 136

PAULA: I don't like going on guided tours, do you?

PHILIP: Well, you can learn a lot, and we only have one day. Are you interested in seeing King's College Chapel – and the Backs and the Market?

PAULA: Yes, of course. But what are the Backs?

PHILIP: Well, the backs of the colleges, by the river. You can take a punt and punt along the river and see all the most famous colleges.

PAULA: And what's a punt, Philip?

PHILIP: It's a boat and you use a long pole to push the boat and yourself along.

PAULA: Oh, I know. They have punts on the river near Stuttgart. And sometimes you fall in the water, don't you?

PHILIP: I don't, Paula. I must look up the times of the trains.

Khám phá những nơi mới lạ

Phần 1

PHILIP: Tôi rất muốn đưa cô đi xem Cambridge. Nó là một trong những thành phố đẹp nhất ở Anh.

PAULA: Anh không học ở đó, phải không?

PHILIP: Không, tôi học ở đại học Manchester. Đó là một nơi tốt. Lúc ấy tôi thích sống ở đó.

PAULA: Anh định khi nào đi?

PHILIP: Thứ bảy này được không? Đi bằng tàu hỏa thì tốt hơn, như vậy chúng ta sẽ không bị vấn đề đậu xe.

PAULA: Nói cho tôi biết về đại học Cambridge đi. Nó rất cổ, phải không?

PHILIP: Phải, trường đại học đầu tiên – Peterhouse – được thành lập vào thế kỷ 13. Cách tốt nhất để tham quan mọi thứ là đi bộ quanh trung tâm thị trấn hoặc tham gia một chuyến tham quan có hướng dẫn.

Phần 2

PAULA: Tôi không thích tham gia các chuyến tham quan có hướng dẫn. Còn anh thì sao?

PHILIP: À, cô có thể học hỏi rất nhiều mà chúng ta lại chỉ có một ngày. Cô có thích tham quan nhà nguyện của trường đại học King's – Khu phía sau và Khu chợ không?

PAULA: Có chứ, chắc chắn rồi. Nhưng khu phía sau là gì?

PHILIP: À, là khu vực phía sau của các trường đại học, cạnh dòng sông. Cô có thể thuê một chiếc thuyền đẩy bằng rồi điều khiển thuyền chạy dọc theo dòng sông và ngắm nhìn tất cả các trường đại học nổi tiếng nhất.

PAULA: Thuyền đẩy bằng là gì vậy Philip?

PHILIP: Đó là một chiếc thuyền và cô dùng một cây sào dài để đẩy thuyền và chính cô về phía trước.

PAULA:Ồ, tôi biết rồi. Trên con sông gần Stuttgart có thuyền đẩy bằng. Và thỉnh thoảng anh bị ngã xuống nước, phải không?

PHILIP: Tôi không ngã đâu, Paula à. Tôi phải tra tìm các giờ tàu hỏa khởi hành đây.

Bài tập 4 ① 138

HAZEL: I'd very much like to go to Oxford. Will you come with me?

KEVIN: That's a great idea. I haven't been there for years.

HAZEL: When do you suggest going?

KEVIN: How about this Saturday? It's better to go by train, then you don't have any parking problems. And it takes just an hour from Paddington Station.

HAZEL: The best way to see everything is just to walk round the centre of town. And then we could go shopping at the Market.

KEVIN: And there are all those fantastic bookshops. Can we spend an hour or so there?

HAZEL: Yes, of course.

KEVIN: Are you interested in seeing the colleges – and the river?

HAZEL: That's fine with me, Kevin. And I'd love to go out on a punt.

KEVIN: What time do you want to leave on Saturday morning?

HAZEL: Well, I think we should leave Islington no later than nine o'clock. Then we'll be in the centre of Oxford at about 11.

KEVIN: I'll look up the times of the trains. I can do that on the Internet.

HAZEL: I love visiting places like Oxford. I'm really looking forward to going there.



Bài tập 8 © 139

1

- What would you like to see there?
- The Empire State Building and Central Park.

2

- Shall we find a good website?
- What will you see when you are there?
- St. Paul's Cathedral and the Globe Theatre.
- Sounds very interesting to me.

3

- What are you going to do when you are there?
- Go to King's College Chapel and visit the Market.
- I'd like to take a punt out on the river.

10/11 shutterstock; 12 shutterstock (4), chesterF – Fotolia; 13 shutterstock (4); 14 shutterstock (7); 15 shutterstock (6), Robert Kneschke – Fotolia, Nadine Haase – Fotolia; 16 shutterstock (3); 17 shutterstock (7); 18 shutterstock (8), Nadine Haase – Fotolia, chesterF – Fotolia; 21 shutterstock; 22 shutterstock; 23 Kzenon – Fotolia; 24/25 shutterstock; 28 shutterstock (8); 29 shutterstock (3), gettyimages; 30 shutterstock (6); 31 shutterstock (2); 32 shutterstock (9), gettyimages; 35 shutterstock, Subbotina Anna – Fotolia; 36 shutterstock; 38/39 shutterstock; 40 shutterstock (5); 41 shutterstock (3); 42 shutterstock (4); 43 shutterstock (5); 44 shutterstock (3), Buccina Studios – gettyimages; 45 shutterstock (10); 49 shutterstock; 50 Fotolia (3); 52/53 shutterstock; 54 shutterstock (6), Jupiterimages – gettyimages; 55 shutterstock (3); 56 shutterstock (3); 57 shutterstock (8); 58 shutterstock (2); 59 shutterstock (13); 60 shutterstock (10); 63 Fotolia; 65 Scott Griessel – Fotolia; 66 shutterstock; 68 shutterstock; 70/71 shutterstock; 72 shutterstock (6), novro – Fotolia; 73 shutterstock (3); 74 shutterstock (3); 75 shutterstock (8); 76 shutterstock (12); 77 shutterstock (10), Fotolia (2); 82 shutterstock; 83 Fotolia; 84/85 shutterstock; 86 shutterstock (8), gandolf – Fotolia, Gina Sanders – Fotolia; 87 shutterstock (4); 88 shutterstock (4); 89 shutterstock (7), Gina Sanders – Fotolia; 91 shutterstock (8), gandolf – Fotolia, Gina Sanders – Fotolia; 95 shutterstock; 96 shutterstock; 97 shutterstock; 98/99 shutterstock; 100 shutterstock (6), Kirill Zdorov – Fotolia; 101 shutterstock (3); 102 shutterstock (3); 103 shutterstock (5), Feng Yu – gettyimages, Greg Epperson – Fotolia; 104 shutterstock (4); 105 shutterstock (8), Greg Epperson – Fotolia, Feng Yu – gettyimages, Kirill Zdorov – Fotolia; 110 shutterstock; 111 shutterstock; 112/113 shutterstock; 114 shutterstock (8), Libor Dusek – Fotolia; 115 shutterstock (5); 116 shutterstock (5); 117 shutterstock (6), Sean Gladwell – Fotolia, Claudia Paulussen – Fotolia; 118 shutterstock (3), jomare – Fotolia; 119 shutterstock (7), Libor Dusek – Fotolia, Sean Gladwell – Fotolia, Claudia Paulussen – Fotolia; 123 shutterstock; 124 Fotolia; 125 shutterstock, Fotolia; 126/127 shutterstock; 128 shutterstock (8); 129 shutterstock (5); 130 shutterstock (4); 131 shutterstock (8); 132 shutterstock (3); 133 shutterstock (10), Fotolia (2); 137 shutterstock; 138 shutterstock; 139 shutterstock; 140/141 shutterstock; 142 shutterstock (7), Vladimir Voronin – Fotolia; 143 shutterstock (4); 144 shutterstock (4); 145 shutterstock (8), Michaela Rofeld – picture-factory; 146 shutterstock (11); 147 shutterstock (6); 148 shutterstock (8); Vladimir Voronin – Fotolia, Michaela Rofeld – picture-factory; 151 shutterstock; 152 Erwin Wodicka – Fotolia; 154/155 shutterstock; 156 shutterstock (7); 157 shutterstock (4); 158 shutterstock (3); 159 shutterstock (8), Kalafoto – Fotolia; 160 shutterstock; 161 shutterstock (9), Kalafoto – Fotolia; 165 shutterstock, Fotolia; 166 shutterstock; 167 emicristea – Fotolia; 168 shutterstock; 172/173 shutterstock; 174 shutterstock (7), Mike Flippo – gettyimages; 175 shutterstock (3); 176 shutterstock (3); 177 shutterstock (8); 178 shutterstock; 179 shutterstock (9), Mike Flippo – gettyimages; 183 shutterstock; 184 shutterstock; 185 Fotolia (3); 186/187 shutterstock; 188 shutterstock (5); 189 shutterstock (4); 190 shutterstock (6); 191 shutterstock (8); 192 shutterstock, Fotolia; 193 shutterstock (10); 197 shutterstock; 198 shutterstock; 200/201 shutterstock; 202 shutterstock (8); 203 shutterstock (4); 204 shutterstock (4); 205 shutterstock (8); 206 shutterstock; 207 shutterstock (10); 212 shutterstock; 214/215 shutterstock; 216 shutterstock (7), Creatas – gettyimages; 217 shutterstock (3); 218 shutterstock (3); 219 shutterstock (8); 220 shutterstock (4); 221 shutterstock (9), Creatas – gettyimages; 225 shutterstock (2); 227 Fotolia (3); 228/229 shutterstock; 230 shutterstock (9); 231 shutterstock (5); 232 shutterstock (4), Michael Blann – gettyimages; 233 shutterstock (9); 234 shutterstock (2); 235 shutterstock (10); 239 shutterstock; 240 shutterstock; 241 shutterstock; 242/243 shutterstock; 244 shutterstock (8); 245 shutterstock (4); 246 shutterstock (4); 247 shutterstock (7), Stockbyte – gettyimages; 248 shutterstock (6), Alexander Yakovlev – gettyimages; 249 shutterstock (9), Stockbyte – gettyimages; 255 shutterstock (1), Fotolia (2); 256/257 shutterstock; 258 shutterstock (8); 259 shutterstock (3); 260 shutterstock (3); 261 shutterstock (9); 262 shutterstock (6); 263 shutterstock (10), Fotolia (2); 267 shutterstock; 268 shutterstock; 269 shutterstock (2); 270 shutterstock; 274/275 shutterstock.